TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v: tranh chấp vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HOÀ BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Lan Hương
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Xuân Nguyên, bà Nguyễn Thị Lan
- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Dũng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân (TAND) Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 25/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2023/QĐXXST-DS ngày 17/5/2023 và các quyết định hoãn phiên tòa (có ấn định thời gian mở lại phiên tòa) về việc tranh chấp vay tài sản (tiền) giữa:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị M, sinh năm 1961;
Địa chỉ: xóm Mường Dao, xã Độc Lập, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;
Địa chỉ: xóm Can, xã Độc Lập, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Bà Mây có mặt, bà Tuyết vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ chị em cùng xã, ngày 23/1/2022, bà Lê Thị M có cho bà Nguyễn Thị T, người xóm Can, xã Độc Lập, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vay số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để bà Tuyết lo việc gia đình. Bà Tuyết hẹn khoảng 1 đến 2 tháng sau sẽ trả. Hết hạn, bà Tuyết không trả, bà Mây có đến nhà bà Tuyết đòi thì bà Tuyết lại hẹn thêm 2 tháng nữa. Hết hạn lần hai, bà Tuyết lại hẹn là "Khi nào anh "Sa Dung" (tức là người mua đất nhà bà Tuyết) trả tiền thì bà Tuyết sẽ trả tiền cho bà Mây. Đến ngày 3/6/2022, bà Tuyết chỉ trả cho bà Mây có 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền còn lại bà Mây đòi nhiều lần nhưng bà Tuyết không trả mà còn có lời lẽ thách đố:

bà Mây muốn kiện đâu thì kiện. Do vậy, bà Mây khởi kiện yêu cầu TAND Thành phố Hòa Bình giải quyết buộc bà Tuyết phải trả cho bà Mây số tiền vay gốc còn nợ là: 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) cùng với tiền lãi theo Ngân hàng kể từ ngày vay 23/1/2022 cho đến nay. Bà Mây nộp kèm theo đơn khởi kiện là: 01 giấy ghi nhận vay tiền chữ viết, chữ ký bà Tuyết đề ngày vay là 23/1/2022.

2. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T:

Ngày 07/02/2023, TAND Thành phố Hòa Bình đã gửi qua đường Bưu điện cho bà Tuyết "*Thông báo về việc thụ lý vụ án*" số 72 đề ngày 25/10/2022 kèm theo Giấy triệu tập số 102 đề ngày 07/02/2023 triệu tập bà Tuyết đến Tòa án vào hồi: 7 giờ 30 phút ngày 15/02/2023 để: trình bày ý kiến của bà Tuyết về nội dung khởi kiện của bà Mây đòi bà Tuyết số tiền 85.000.000đ tiền gốc + tiền lãi tính theo Ngân hàng và để Tòa án trực tiếp giao cho bà Tuyết các văn bản tố tụng. Ngày 09/02/2023, Tòa án lập biên bản giải thích cho bà Mây và yêu cầu bà Mây gửi cho bà Tuyết bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Ngày 10/02/2023, bà Mây đã thực hiện gửi theo vận đơn số EG357685252VN đến địa chỉ bà Tuyết. Ngày 15/02/2023, bà Tuyết không đến Tòa án theo như giấy triệu tập của Tòa án. Cùng ngày, Tòa án đã ban hành "*Yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ"* số 04/2023/CCTLCC ngày 15/02/2023 gửi cho bà Tuyết; yêu cầu bà Tuyết cung cấp cho Tòa án: "*Bản trình bày ý kiến của bà Tuyết*…" và toàn bộ tài liệu chứng cứ có liên quan chứng minh lời trình bày của bà Tuyết là có căn cứ kèm theo 01 "*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*" ghi rõ thời gian có mặt vào hồi: *13 giờ 30 phút ngày 13/3/2023*, địa điểm tại Tòa án Thành phố Hòa Bình. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Độc Lập đã giao cho bà Tuyết vào ngày 19/02/2023. Bà Tuyết không đến theo thông báo triệu tập.

Phiên tòa ngày 28/7/2023 và phiên tòa ngày hôm nay 21/8/2023, bà Tuyết đều được Tòa án và UBND xã Độc Lập giao cho Quyết định hoãn phiên tòa trong đó có ấn định rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa nhưng bà Tuyết vẫn cố tình không đến.

Theo yêu cầu của bà Mây, Tòa án đã tiến hành thủ tục Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Hòa Bình giám định chữ viết, chữ ký của bà Tuyết trong giấy ghi nhận nợ ngày 23/1/2022, theo Quyết định trưng cầu giám định số 05 ngày 01/8/2023.

Tại Kết luận giám định số 355/KL-KTHS ngày 08/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Hòa Bình thể hiện:

- *Đối tượng cần giám định*: chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T tại bản viết tay trên giấy kẻ ngang nội dung ghi nhận việc vay tiền ngày 23/01/2022 (Ký hiệu A1);

- *Đối tượng mẫu so sánh:*

+ Chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T trên Bản tự khai ngày 05/8/2022 (Ký hiệu M1)

+ Chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T tại mục Đương sự trong biên bản làm việc ngày 05/8/2022 (Ký hiệu M2);

+ Chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T tại mục Bên nhận trong biên bản giao nhận ngày 19/02/2023 (Ký hiệu M3).

Kết luận: *"Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T tại bản viết tay trên giấy kẻ ngang nội dung ghi nhận việc vay tiền ngày 23/01/2022 (Ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người ký và viết ra".*

Sau giám định: hoàn trả toàn bộ tài liệu gửi đến giám định.

4. Những nội dung thống nhất, không thống nhất:

Nội dung thống nhất: không.

Nội dung không thống nhất: Bà Mây cho rằng số tiền bà Mây cho bà Tuyết vay là 135.000.000đ vào ngày 23/1/2022, đến ngày 3/6/2022, bà Tuyết đã trả 50.000.000đ còn nợ 85.000.000đ. Bà Tuyết tại bản tự khai ban đầu khi Tòa án đang giải quyết đơn bà Mây, bà Tuyết đã có bản tự khai (*Bút lục số 20*) trình bày bà Tuyết chỉ vay 60.000.000đ tiền gốc của bà Mây, lãi 4%/tháng. Bà Tuyết đã trả cho bà Mây được hai đợt, đợt 1 là 40.000.000đ và đợt 2 là 50.000.000đ, tổng đã trả là 90.000.000đ, không nhớ ngày tháng năm cụ thể. Bà Tuyết không nhận vay bà Mây số tiền 135.000.000đ, đó chỉ là gốc gộp lãi, bà Tuyết ký mà không tự nguyện. Số tiền bà Tuyết trả cho bà Mây 50.000.000đ ngày 3/6/2022 là bà Tuyết trả vào gốc 60.000.000đ. Khi vay tiền, bà Tuyết cho rằng bà chỉ được bà Mây đưa tiền mà không đưa giấy vay nợ. Mặc dù đây là lời trình bày của bà Tuyết khi Tòa án đang giải quyết, xử lý đơn khởi kiện của bà Mây, nhưng cũng là do bà Tuyết tự viết bản tự khai, trước sự chứng kiến của đại diện xóm (Phó trưởng xóm) thể hiện ý kiến của bà Tuyết là không đồng ý với khởi kiện của bà Mây.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tại phiên tòa:

**/ Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (TTDS). Việc tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 91, 96 - Bộ luật TTDS. Bị đơn không chấp hành quy định về việc tham gia tố tụng và về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

**/ Về nội dung vụ án:* qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà, VKSND Thành phố Hòa Bình có ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Giấy ghi nhận vay nợ ngày 23/1/2022 do bà Mây xuất trình: do bà Tuyết viết tay, người vay tiền là bà Nguyễn Thị T, người cho vay tiền là bà Lê Thị M, việc vay nợ không ghi lãi suất, hẹn "*1 tháng hoặc 2 tháng*" sẽ trả tiền; hai bên cùng ký nhận. Ngày 3/6/2022, bà Tuyết trả cho bà Mây 50.000.000đ, số tiền còn lại 85.000.000đ bà Tuyết chưa trả cho bà Mây.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà Tuyết đã được tống đạt các văn bản, thông báo của Tòa án nhưng bà Tuyết không đến Tòa án làm việc, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Kết luận giám định chữ viết, chữ ký bà Tuyết trên giấy ghi nhận vay tiền ngày 23/1/2022 đúng là chữ viết, chữ ký bà Tuyết. Như vậy có căn cứ nhận định việc bà Mây cho bà Tuyết vay tiền thể hiện trên giấy ngày 23/1/2022 là đúng với thực tế. Tại phiên tòa, bà Mây chấp nhận tính lãi suất từ ngày

3/6/2022 với mức lãi theo quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 - Bộ luật dân sự 2015 (BLDS); chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mây buộc bà Tuyết phải trả cho bà Mây số tiền gốc còn nợ 85.000.000đ và lãi chậm trả kể từ ngày 3/6/2022 đối với số tiền này với mức lãi theo quy định Khoản 2 Điều 468 - BLDS.

Về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật. Phát biểu của VKSND được lưu trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Giấy ghi nhận nội dung bà Lê Thị M cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu) vào ngày 23/1/2022 do bà Mây xuất trình có nội dung thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng khoảng từ 1 đến 2 tháng sau khi vay. Do bị đơn bà Tuyết không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ, Bà Mây khởi kiện đòi lại tiền cho vay là phù hợp với quy định tại Khoản 3 (Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự), Điều 26 Bộ luật TTDS và Điều 186 của Bộ luật TTDS về quyền khởi kiện. Đáp ứng quy định về thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 - BLDS. Bà Tuyết là bị đơn có nơi cư trú và sinh sống tại xóm Can, xã Độc Lập, Thành phố Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Thành phố Hòa Bình theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 - Bộ luật TTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Giấy ghi nhận nợ ngày 23/01/2022 do bà Mây xuất trình, có ghi nội dung: *"Tên tôi là Nguyễn Thị T cư trú tại xóm Can, xã Độc Lập, TPHB có vay tiền của chị Lê Thị M cư trú lại xóm Mường Dao xã Độc Lập số tiền là 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng) Tôi hẹn 1 tháng hoặc 2 tháng tôi xẽ trả tiền cho chị Mây. Người vay tiền: Nguyễn Thị T, người cho vay: Lê Thị M"*. Đoạn cuối mặt 1 của giấy này có ghi thêm nội dung ngày 29/5/2022 bà Tuyết khất nợ bà Mây. Mặt sau của giấy có ghi ngày 3/6/2022 bà Tuyết trả bà Mây số tiền 50.000.000đ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù theo yêu cầu của Tòa án, UBND xã Độc Lập đã tống đạt cho bà Tuyết các văn bản tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, văn bản của Tòa án Yêu cầu bà Tuyết cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về quyền lợi của bà Tuyết nhưng bà Tuyết không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, không đến phiên họp, phiên tòa. Nếu trường hợp bà Tuyết cho rằng không nợ bà Mây số tiền như vậy hoặc đã trả rồi thì bà Tuyết phải tham gia tố tụng và xuất trình cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của bà Tuyết đối với nội dung khởi kiện của bà Mây là có căn cứ. Nhưng bà Tuyết không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh rằng giấy ghi nhận nợ ngày 23/1/2022 do bà Mây xuất trình là không đúng sự thật.

Bà Tuyết đã từ chối quyền được tham gia tố tụng, quyền, nghĩa vụ chứng minh của bà Tuyết. Nên HĐXX đánh giá chứng cứ do nguyên đơn bà Lê Thị M xuất trình và chứng

cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định Khoản 2, khoản 4 Điều 91 - Bộ luật TTDS cụ thể là:

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Bên cạnh đó, Bản kết luận giám định số 355/KL-KTHS, ngày 08/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Hòa Bình kết luận giấy ghi nhận nợ ngày 23/01/2022 đúng là chữ ký, chữ viết của bà Tuyết.

Đối chiếu với quy định của BLDS:

- Điều 466 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Giấy vay tiền 23/1/2022 không thể hiện về việc có thỏa thuận về lãi suất nên được coi là "*Vay không có lãi*". Thời hạn trả bà Tuyết khất nhiều lần, bà Mây không phản đối; đến ngày 3/6/2022 bà Tuyết chỉ thanh toán trả cho bà Mây được 50.000.000đ thì bà Mây không đồng ý (có làm đơn yêu cầu thôn xóm giải quyết). Như vậy tính ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (chậm trả) của bà Tuyết là từ ngày 3/6/2022 (không trả đủ 135.000.000đ như đã hứa). Bản thân bà Mây cũng không yêu cầu tính lãi từ ngày 23/1/2022 theo Ngân hàng nữa mà chỉ có yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 3/6/2022 đối với số tiền 85.000.000đ theo mức lãi quy định chung của pháp luật; những ngày dôi dư khác không yêu cầu. HĐXX thấy yêu cầu của bà Mây là phù hợp cần chấp nhận và buộc bà Tuyết phải trả lãi do chậm trả tính từ ngày 03/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2023) là 14 tháng 19 ngày theo quy định:

Điều 357 - BLDS về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Cụ thể:

Về số tiền lãi như sau: 10%/năm tương ứng 0,8333%/tháng

85.000.000đ x 0,8333%/tháng = 708.333đ/tháng (tức 23.611đ/ngày)

708.333đ x 14 tháng 18 ngày = 9.916.666đ

18 ngày x 23.611đ/ngày = 424.999đ

Cả gốc và lãi là: 85.000.000đ (gốc) + 10.341.665đ (lãi) = 95.341.665đ (Chín mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi lăm nghìn). Đồng thời cần tuyên về bảo đảm nghĩa vụ của người phảie thi hành án (là bà Tuyết) theo quy định của pháp luât.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội và Điểm b, mục 1.2, Khoản 1, phần II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326 (*5% số tiền phải trả nợ).*

Nguyên đơn bà Lê Thị M được miễn nộp tạm ứng án phí DSST và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định: bà Mây đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký bà Tuyết trong giấy ghi nhận vay tiền ngày 23/1/2022 là: 3.847.500đ; nay yêu cầu khởi kiện của bà Mây có căn cứ chấp nhận, đồng thời bà Mây yêu cầu bà Tuyết phải chịu chi phí giám định và phải hoàn chuyển lại cho bà Mây số tiền trên; yêu cầu này của bà Mây là phù hợp với quy định Điều 161, 162 - Bộ luật TTDS nên cần chấp nhận.

Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được tuyên theo quy định Điều 271, 273 của Bộ luật TTDS.

Từ những nhận định trên; Hội đồng xét xử căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 2, Khoản 4 - Điều 91; Khoản 1 Điều 147 – BLDS; Điều 186 ; Điều 161, 162 của Bộ luật TTDS; Điều 357 - BLDS; Điều 429 – BLDS; Khoản 1, 4 - Điều 466 - BLDS; Khoản 2 Điều 468 - BLDS; Điểm b, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội và Điểm b, mục 1.2, Khoản 1, phần II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Lê Thị M số tiền: 85.000.000đ tiền gốc và 10.341.665đ tiền lãi; tổng cộng là: 95.341.665đ (Chín mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi lăm nghìn).

Kể từ ngày Bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bà Tuyết không trả cho bà Mây số tiền nói trên thì hàng tháng bà Tuyết còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: bị đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp 4.767.083đ (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí giám định: buộc bà Tuyết phải hoàn trả cho bà Mây chi phí giám định bà Mây đã tạm ứng ra trước là: 3.847.500đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn bà Lê Thị M, bị đơn bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bà Mây được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/8/2023), thời hạn kháng cáo của bà Tuyết được tính từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh HB;
-VKSND Tp Hòa Bình;
- VKSND tỉnh HB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Lan Hương